

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 336/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2026

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Hải

2. Bà Phạm Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tú – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5

- Hà Nội, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 637/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1976; Nơi thường trú: thôn D, xã G, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: số nhà D phố U, thành phố O, cộng hòa Séc. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phú H; sinh năm 1972; Nơi cư trú: thôn D, xã G, thành phố Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phú H với nội dung như sau:

Tôi và ông Nguyễn Phú H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 22/8/1997. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do khác biệt tính cách, không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nhau ảnh hưởng tới sức khỏe, công việc của hai bên. Do mâu thuẫn càng tăng nên từ năm 2008 tôi đã quyết định sang Cộng hòa Séc để làm ăn sinh sống,

không về Việt Nam sống cùng với ông H nữa. Tôi đã lần lượt đưa các con sang Séc sinh sống, chỉ còn mình ông H ở lại Việt Nam. Tháng 9 năm 2024, tôi đã làm thủ tục để ông H sang Séc đoàn tụ nhưng hai bên vẫn xảy ra xích mích cãi nhau và ông H bỏ về Việt Nam sau khi sang Séc được 16 ngày. Từ đó tới nay, chúng tôi cắt đứt hoàn toàn liên lạc và tôi xác định không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Để ổn định cuộc sống, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Phú H1 sinh năm 1997 và Nguyễn Khánh H2 sinh năm 2005 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Chúng tôi không có nợ chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Phú H xác nhận ông H và bà T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D; xác nhận vợ chồng có 02 con chung đã thành niên như bà T trình bày và không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ; ông H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Xuân T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Ông Nguyễn Phú H vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, cũng như quá trình thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định.

Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa có mặt đúng như trong quyết định, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đầy đủ và đúng quy định trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân T xử cho bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn ông Nguyễn Phú H; về con chung đã thành niên, không phải giải quyết; tài sản chung, công nợ không đặt ra giải quyết. Bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phú H đang cư trú tại thôn D, xã G, thành phố Hà Nội. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T và bị đơn ông Nguyễn Phú H vắng mặt, có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân T kết hôn với ông Nguyễn Phú H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện G, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận kết hôn, vào sổ số 23 ngày 22/8/1997 là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2008 bà Nguyễn Thị Xuân T đã sang Cộng hòa Séc làm việc, còn ông Nguyễn Phú H sinh sống tại Việt Nam. Cuối năm 2024, ông Nguyễn Phú H sang Cộng hòa Séc nhưng giữa vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn nên được thời gian ngắn ông Nguyễn Phú H đã bỏ về Việt Nam sinh sống cho tới nay, vợ chồng chấm dứt hoàn toàn liên lạc, không còn quan tâm tới đời sống riêng của nhau nữa. Đến nay bà T xác định không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này, đề nghị giải quyết ly hôn.

Ông Nguyễn Phú H không đồng ý ly hôn nhưng tại lời khai ban đầu thể hiện quan điểm nếu bà T đồng ý giải quyết về tài sản thì đồng ý ly hôn. Ông H không có mặt tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để có cơ hội tiếp xúc với bà T, động viên bà T đoàn tụ, cũng không đưa ra giải pháp hòa giải đoàn tụ và đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt ông cho thấy bản thân ông H cũng không còn tình nghĩa vợ chồng với bà T.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bản thân bà Nguyễn Thị Xuân T không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc ông Nguyễn Phú H, không mong muốn chung sống với ông Nguyễn Phú H; bản thân ông Nguyễn Phú H không có hành động để cải thiện và hàn gắn tình cảm vợ chồng trước và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, xác định bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Phú H cùng vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Việc vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình dẫn tới hôn nhân của bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Phú H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, biểu hiện là “không có tình nghĩa vợ chồng...” theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Do đó, cần xử cho bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với ông Nguyễn Phú H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung vợ chồng: Bà T và ông H thừa nhận vợ chồng chỉ có 02 con chung là Nguyễn Phú H1 sinh năm 1997 và Nguyễn Khánh H2 sinh năm 2005 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng; xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nợ chung. Ông Nguyễn Phú H có yêu cầu giải quyết về tài sản chung nhưng sau đó đã rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung; xác nhận vợ chồng không có nợ chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với ông Nguyễn Phú H.

2/ *Về con chung:* bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Nguyễn Phú H có 02 con chung là Nguyễn Phú H1 sinh năm 1997 và Nguyễn Khánh H2 sinh năm 2005 đã thành niên, Hội đồng xét xử không giải quyết việc nuôi dưỡng.

3/ *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra giải quyết.

4/ *Về án phí sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0021790 ngày 30/12/2025 tại thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, xác nhận bà Nguyễn Thị Xuân T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn đang cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Báo cho bị đơn biết có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS nhân dân khu vực 5 - Hà Nội;
- VKS nhân dân thành phố Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã Gia Lâm, tp Hà Nội.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hương